SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT AN MỸ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 617 /QĐ-THPTAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán điều chỉnh, bổ sung ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 11) của Trường THPT An Mỹ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT AN MỸ

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3759/QĐ-SGDĐT ngày 06 tháng 08 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 11).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 11) của Trường THPT An Mỹ.

(Chi tiết số liệu theo Biểu mẫu số 74 ban hành kèm theo thông tư số: 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 đính kèm quyết định này).

Điều 2. Hình thức và thời gian công khai.

- Niêm yết công khai tại bảng tin thông báo của nhà trường (vị trí phòng giáo viên).

- Đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ: http://thptanmy.edu.vn.

- Thời gian niêm yết: 30 ngày kể từ ngày ký quyết định này.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Cán bộ quản lý, kế toán và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường THPT An Mỹ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Niêm yết;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG

Nguyễn Hoàng Hùng

Đơn vị: TRƯỜNG THPT AN MỸ **Mẫu biểu số 74**

Chương: 422

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 617 /QĐ-THPTAM ngày 12/10/2026 của Trường THPT An Mỹ)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao năm
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	**Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại**	
1	**Chi sự nghiệp**	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên giao không tự chủ	
2	**Chi quản lý hành chính**	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	
1	**Lệ phí**	
2	**Phí**	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**39.500.000**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**39.500.000**
1	**Chi quản lý hành chính**	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**39.500.000**
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	39.500.000
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao năm
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp báo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thê dục thê thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2026

Kế toán

Nguyễn Thị Tuyết Hoa

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG AN MỸ

Nguyễn Hoàng Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2026

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 11) của Trường THPT An Mỹ

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3759/QĐ-SGDĐT ngày 06 tháng 08 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 11) giao cho đơn vị.

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 30 ngày 12 tháng 10 năm 2026, tại Trường THPT An Mỹ, Ban công khai tài chính nhà trường tiến hành lập biên bản niêm yết công khai với các nội dung sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA:

1. **Ông:** Nguyễn Hoàng Hùng - Chức vụ: Hiệu trưởng (Trưởng ban)
2. **Ông:** Lê Đoàn Minh Thái - Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
3. **Ông:** Võ Quốc Hùng - Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
4. **Bà:** Lâm Thị Thà - Chức vụ: Thư ký
5. **Bà:** Nguyễn Thị Tuyết Hoa - Chức vụ: Kế toán

II. NỘI DUNG NIÊM YẾT:

Tiến hành niêm yết công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 11) của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Trường THPT An Mỹ.

Hình thức niêm yết: Dán giấy công khai tại Bảng thông báo công khai tài chính công khai của nhà trường.

Tài liệu niêm yết gồm: Quyết định điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 11) và Biểu mẫu số 74 được lập theo đúng quy định tại Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

Thời gian niêm yết dự kiến: Từ ngày 12/10/2026 đến ngày 12/11/2026 *(Đảm bảo đủ ít nhất 30 ngày)*.

Trong thời gian niêm yết, Ban công khai tài chính có trách nhiệm theo dõi, tiếp nhận các ý kiến đóng góp, phản hồi (nếu có) từ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường để tổng hợp giải quyết theo thẩm quyền.

Biên bản này được lập thành 02 bản, 01 bản để lưu hồ sơ kế toán, 01 bản dán niêm yết công khai.

Biên bản kết thúc vào lúc 9 giờ 30 phút cùng ngày, đã được các thành viên dự họp thống nhất thông qua và ký tên dưới đây.

THƯ KÝ	KẾ TOÁN	HIỆU TRƯỞNG
Lâm Thị Thà	Nguyễn Thị Tuyết Hoa	Nguyễn Hoàng Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3759 /QĐ-SGDĐT	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 11)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 11) nhiệm vụ chi lương và kinh phí tổ chức các hoạt động sinh hoạt Hè của 197 đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (danh sách theo phụ lục đính kèm) với tổng số tiền phân bổ là: 25.458.927 ngàn đồng (Hai mươi lăm tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu, chín trăm hai mươi bảy ngàn đồng).

Điều 2. Căn cứ dự toán chi bổ sung ngân sách năm 2026 (lần 11) được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Sở Tài chính (để phối hợp);
- KBNN Khu vực II (để phối hợp);
- Các Phòng GD - KBNN KV II nơi đơn vị giao dịch (để phối hợp);
- Lưu: VT, KHTC (Ng).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Tấn Phát

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP PHÂN BỔ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 (ĐIỀU CHỈNH LẦN 11)

(Đính kèm quyết định số: 3759/QĐ-SGDĐT ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (nguồn 12)	KINH PHÍ CHI LƯƠNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO	KINH PHÍ SINH HOẠT HÈ	NGUỒN CCTL NSTP (nguồn 14)				GHI CHÚ
													TỔNG CỘNG	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,8 TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 2,34 TRĐ LÊN 2,53 TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*3*	*4=5+8*	*5=6+10*	*6=7+8+9*	*7*	*8*	*9*	*10=11+12+13*	*11*	*12*	*13*	*14*
	TỔNG CỘNG					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	1040015	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo (Sự nghiệp giáo dục)	422	070	098	**(20.858.149)**	**(20.858.149)**	**(20.858.149)**	**(20.858.149)**	(7.874.390)	(995.754)	(11.988.005)	-				
	1040015	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo (Sự nghiệp giáo dục) (Nguồn CCTL NSTP)	422	070	098	**(4.600.778)**	**(4.600.778)**	**(4.600.778)**	-				**(4.600.778)**	(1.742.311)	(1.804.428)	(1.054.039)	
	TỔNG CỘNG					**25.458.927**	**25.458.927**	**25.458.927**	**20.858.149**	**7.874.390**	**995.754**	**11.988.005**	**4.600.778**	**1.742.311**	**1.804.428**	**1.054.039**	
1	1006376	Trung tâm GDTX Lê Quý Đôn	422	070	075	**4.500**	**4.500**	4.500	4.500			4.500	-				
2	1052360	Trung tâm GDTX Chu Văn An	422	070	075	**39.720**	**39.720**	39.720	39.720			39.720	-				
3	1076866	Trung tâm GD KTTH và HN Lê Thị Hồng Gấm	422	070	075	**48.160**	**48.160**	48.160	48.160			48.160	-				
4	1072912	Trường THPT Bùi Thị Xuân	422	070	074	**84.900**	**84.900**	84.900	84.900			84.900	-				
5	1061105	Trường THPT Trưng Vương	422	070	074	**88.800**	**88.800**	88.800	88.800			88.800	-				
6	1060634	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	422	070	074	**89.700**	**89.700**	89.700	89.700			89.700	-				
7	1133410	Trường THCS và THPT Trần Đại Nghĩa	422	070	074	**9.332.541**	**9.332.541**	9.332.541	6.893.221	**6.014.762**	**834.859**	43.600	2.439.320		**1.804.428**	**634.892**	
8	1069844	Trường THPT Ten Lơ Man	422	070	074	**68.000**	**68.000**	68.000	68.000			68.000	-				
9	1086001	Trường THPT Lương Thế Vinh	422	070	074	**90.160**	**90.160**	90.160	90.160			90.160	-				
10	1069843	Trường THPT Giồng Ông Tố	422	070	074	**64.240**	**64.240**	64.240	64.240			64.240	-				
11	1003700	Trường THPT Thủ Thiêm	422	070	074	**67.600**	**67.600**	67.600	67.600			67.600	-				
12	1003702	Trường THPT Lê Quý Đôn	422	070	074	**58.520**	**58.520**	58.520	58.520			58.520	-				
13	1039166	Trường THPT Marie Curie	422	070	074	**127.800**	**127.800**	127.800	127.800			127.800	-				

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (nguồn 12)	KINH PHÍ CHI LƯƠNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO	KINH PHÍ SINH HOẠT HÈ	NGUỒN CCTL NSTP (nguồn 14)				GHI CHÚ
													TỔNG CỘNG	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,8 TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 2,34 TRĐ LÊN 2,53 TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*3*	*4=5+8*	*5=6+10*	*6=7+8+9*	*7*	*8*	*9*	*10=11+12+13*	*11*	*12*	*13*	*14*
14	1008124	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	422	070	074	**78.960**	**78.960**	78.960	78.960			78.960	-				
15	1046716	Trường THPT Nguyễn Thị Diệu	422	070	074	**83.040**	**83.040**	83.040	83.040			83.040	-				
16	1060559	Trường THPT Nguyễn Trãi	422	070	074	**101.000**	**101.000**	101.000	101.000			101.000	-				
17	1076001	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	422	070	074	**86.960**	**86.960**	86.960	86.960			86.960	-				
18	1042857	Trường THPT Hùng Vương	422	070	074	**126.240**	**126.240**	126.240	126.240			126.240	-				
19	1071559	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	422	070	074	**85.480**	**85.480**	85.480	85.480			85.480	-				
20	1068661	Trường THPT Trần Khai Nguyên	422	070	074	**95.000**	**95.000**	95.000	95.000			95.000	-				
21	1010342	Trường THPT Trần Hữu Trang	422	070	074	**38.700**	**38.700**	38.700	38.700			38.700	-				
22	1058084	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	422	070	074	**138.760**	**138.760**	138.760	138.760			138.760	-				
23	1060635	Trường THPT Bình Phú	422	070	074	**79.500**	**79.500**	79.500	79.500			79.500	-				
24	1109454	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	422	070	074	**91.875**	**91.875**	91.875	91.875			91.875	-				
25	1125719	Trường THPT Phạm Phú Thứ	422	070	074	**89.920**	**89.920**	89.920	89.920			89.920	-				
26	1040081	Trường THPT Lê Thánh Tôn	422	070	074	**72.900**	**72.900**	72.900	72.900			72.900	-				
27	1001956	Trường THPT Ngô Quyền	422	070	074	**89.920**	**89.920**	89.920	89.920			89.920	-				
28	1038773	Trường THPT Tân Phong	422	070	074	**71.000**	**71.000**	71.000	71.000			71.000	-				
29	1060564	Trường THPT Lương Văn Can	422	070	074	**85.200**	**85.200**	85.200	85.200			85.200	-				
30	1040014	Trường THPT Ngô Gia Tự	422	070	074	**70.000**	**70.000**	70.000	70.000			70.000	-				
31	1037221	Trường THPT Tạ Quang Bửu	422	070	074	**73.560**	**73.560**	73.560	73.560			73.560	-				
32	1076008	Trường phổ thông năng khiếu TD, TT Nguyễn Thị Định	422	070	074	**63.920**	**63.920**	63.920	63.920			63.920	-				
33	1105244	Trường THPT Nguyễn Văn Linh	422	070	074	**57.320**	**57.320**	57.320	57.320			57.320	-				
34	1122500	Trường THPT Võ Văn Kiệt	422	070	074	**74.240**	**74.240**	74.240	74.240			74.240	-				
35	1040223	Trường THPT Nguyễn Huệ	422	070	074	**85.400**	**85.400**	85.400	85.400			85.400	-				

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (nguồn 12)	KINH PHÍ CHI LƯƠNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO	KINH PHÍ SINH HOẠT HÈ	NGUỒN CCTL NSTP (nguồn 14)				GHI CHÚ
													TỔNG CỘNG	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,8 TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 2,34 TRĐ LÊN 2,53 TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*3*	*4=5+8*	*5=6+10*	*6=7+8+9*	*7*	*8*	*9*	*10=11+12+13*	*11*	*12*	*13*	*14*
36	1040247	Trường THPT Phước Long	422	070	074	**72.400**	**72.400**	72.400	72.400			72.400	-				
37	1043924	Trường THPT Long Trường	422	070	074	**72.960**	**72.960**	72.960	72.960			72.960	-				
38	1110143	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	422	070	074	**77.240**	**77.240**	77.240	77.240			77.240	-				
39	1016211	Trường THPT Nguyễn Du	422	070	074	**66.760**	**66.760**	66.760	66.760			66.760	-				
40	1040082	Trường THPT Nguyễn An Ninh	422	070	074	**82.400**	**82.400**	82.400	82.400			82.400	-				
41	1058491	Trường THPT Nguyễn Khuyến	422	070	074	**91.400**	**91.400**	91.400	91.400			91.400	-				
42	1049798	Trường THCS - THPT Diên Hồng	422	070	074	**64.000**	**64.000**	64.000	64.000			64.000	-				
43	1045805	Trường THCS - THPT Sương Nguyệt Anh	422	070	074	**59.400**	**59.400**	59.400	59.400			59.400	-				
44	1040251	Trường THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	422	070	074	**88.280**	**88.280**	88.280	88.280			88.280	-				
45	1060858	Trường THPT Nguyễn Hiền	422	070	074	**54.700**	**54.700**	54.700	54.700			54.700	-				
46	1086050	Trường THPT Trần Quang Khải	422	070	074	**100.120**	**100.120**	100.120	100.120			100.120	-				
47	1003701	Trường THPT Võ Trường Toản	422	070	074	**73.098**	**73.098**	73.098	73.098			73.098	-				
48	1042858	Trường THPT Thạnh Lộc	422	070	074	**85.686**	**85.686**	85.686	85.686			85.686	-				
49	1038766	Trường THPT Trường Chinh	422	070	074	**104.700**	**104.700**	104.700	104.700			104.700	-				
50	1008063	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	422	070	074	**85.000**	**85.000**	85.000	85.000			85.000	-				
51	1060778	Trường THPT Tân Bình	422	070	074	**73.650**	**73.650**	73.650	73.650			73.650	-				
52	1046613	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	422	070	074	**82.720**	**82.720**	82.720	82.720			82.720	-				
53	1068660	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	422	070	074	**89.050**	**89.050**	89.050	89.050			89.050	-				
54	1042466	Trường THPT Trần Phú	422	070	074	**95.840**	**95.840**	95.840	95.840			95.840	-				
55	1032621	Trường THPT Tây Thạnh	422	070	074	**117.000**	**117.000**	117.000	117.000			117.000	-				
56	1125808	Trường THPT Lê Trọng Tấn	422	070	074	**78.200**	**78.200**	78.200	78.200			78.200	-				
57	1039169	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	422	070	074	**102.164**	**102.164**	102.164	102.164			102.164	-				

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (nguồn 12)	KINH PHÍ CHI LƯƠNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO	KINH PHÍ SINH HOẠT HÈ	NGUỒN CCTL NSTP (nguồn 14)				GHI CHÚ
													TỔNG CỘNG	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,8 TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 2,34 TRĐ LÊN 2,53 TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*3*	*4=5+8*	*5=6+10*	*6=7+8+9*	*7*	*8*	*9*	*10=11+12+13*	*11*	*12*	*13*	*14*
58	1042552	Trường THPT Thanh Đa	422	070	074	**70.100**	**70.100**	70.100	70.100			70.100	-				
59	1039987	Trường THPT Gia Định	422	070	074	**100.320**	**100.320**	100.320	100.320			100.320	-				
60	1060563	Trường THPT Phan Đăng Lưu	422	070	074	**80.120**	**80.120**	80.120	80.120			80.120	-				
61	1073003	Trường THPT Võ Thị Sáu	422	070	074	**99.800**	**99.800**	99.800	99.800			99.800	-				
62	1114361	Trường THPT Trần Văn Giàu	422	070	074	**77.200**	**77.200**	77.200	77.200			77.200	-				
63	1052865	Trường THPT Phú Nhuận	422	070	074	**95.000**	**95.000**	95.000	95.000			95.000	-				
64	1046742	Trường THPT Hàn Thuyên	422	070	074	**75.000**	**75.000**	75.000	75.000			75.000	-				
65	1046616	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	422	070	074	**107.360**	**107.360**	107.360	107.360			107.360	-				
66	1069842	Trường THPT Gò Vấp	422	070	074	**70.000**	**70.000**	70.000	70.000			70.000	-				
67	1040248	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	422	070	074	**105.120**	**105.120**	105.120	105.120			105.120	-				
68	1037383	Trường THPT Trần Hưng Đạo	422	070	074	**112.000**	**112.000**	112.000	112.000			112.000	-				
69	1058082	Trường THPT Tam Phú	422	070	074	**77.480**	**77.480**	77.480	77.480			77.480	-				
70	1014981	Trường THPT Thủ Đức	422	070	074	**96.700**	**96.700**	96.700	96.700			96.700	-				
71	1046744	Trường THPT Nguyễn Hữu Huân	422	070	074	**79.400**	**79.400**	79.400	79.400			79.400	-				
72	1037384	Trường THPT Hiệp Bình	422	070	074	**65.045**	**65.045**	65.045	65.045			65.045	-				
73	1118192	Trường THPT Đào Sơn Tây	422	070	074	**80.160**	**80.160**	80.160	80.160			80.160	-				
74	1127196	Trường THPT Linh Trung	422	070	074	**100.205**	**100.205**	100.205	100.205			100.205	-				
75	1046743	Trường THPT An Nhơn Tây	422	070	074	**88.595**	**88.595**	88.595	88.595			88.595	-				
76	1073929	Trường THPT Củ Chi	422	070	074	**101.950**	**101.950**	101.950	101.950			101.950	-				
77	1042554	Trường THPT Quang Trung	422	070	074	**77.362**	**77.362**	77.362	77.362			77.362	-				
78	1042734	Trường THPT Trung Phú	422	070	074	**99.184**	**99.184**	99.184	99.184			99.184	-				
79	1037222	Trường THPT Trung Lập	422	070	074	**50.445**	**50.445**	50.445	50.445			50.445	-				
80	1038764	Trường THPT Phú Hòa	422	070	074	**78.584**	**78.584**	78.584	78.584			78.584	-				

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (nguồn 12)	KINH PHÍ CHI LƯƠNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO	KINH PHÍ SINH HOẠT HÈ	NGUỒN CCTL NSTP (nguồn 14)				GHI CHÚ
													TỔNG CỘNG	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,8 TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 2,34 TRĐ LÊN 2,53 TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*3*	*4=5+8*	*5=6+10*	*6=7+8+9*	*7*	*8*	*9*	*10=11+12+13*	*11*	*12*	*13*	*14*
81	1038540	Trường THPT Tân Thông Hội	422	070	074	**84.412**	**84.412**	84.412	84.412			84.412	-				
82	1014727	Trường THPT Lý Thường Kiệt	422	070	074	**76.375**	**76.375**	76.375	76.375			76.375	-				
83	1046617	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	422	070	074	**88.172**	**88.172**	88.172	88.172			88.172	-				
84	1046615	Trường THPT Bà Điểm	422	070	074	**93.718**	**93.718**	93.718	93.718			93.718	-				
85	1076003	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiến	422	070	074	**78.300**	**78.300**	78.300	78.300			78.300	-				
86	1043921	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	422	070	074	**80.200**	**80.200**	80.200	80.200			80.200	-				
87	1114460	Trường THPT Phạm Văn Sáng	422	070	074	**94.799**	**94.799**	94.799	94.799			94.799	-				
88	1058527	Trường THPT An Lạc	422	070	074	**90.120**	**90.120**	90.120	90.120			90.120	-				
89	1086051	Trường THPT Vĩnh Lộc	422	070	074	**74.760**	**74.760**	74.760	74.760			74.760	-				
90	1110106	Trường THPT Bình Tân	422	070	074	**84.440**	**84.440**	84.440	84.440			84.440	-				
91	1105299	Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh	422	070	074	**78.520**	**78.520**	78.520	78.520			78.520	-				
92	1058492	Trường THPT Bình Chánh	422	070	074	**108.500**	**108.500**	108.500	108.500			108.500	-				
93	1061104	Trường THPT Đa Phước	422	070	074	**64.000**	**64.000**	64.000	64.000			64.000	-				
94	1039986	Trường THPT Lê Minh Xuân	422	070	074	**96.856**	**96.856**	96.856	96.856			96.856	-				
95	1118191	Trường THPT Tân Túc	422	070	074	**98.000**	**98.000**	98.000	98.000			98.000	-				
96	1120603	Trường THPT Vĩnh Lộc B	422	070	074	**80.000**	**80.000**	80.000	80.000			80.000	-				
97	1125803	Trường phổ thông năng khiếu TD, TT Bình Chánh	422	070	074	**62.500**	**62.500**	62.500	62.500			62.500	-				
98	1050023	Trường THPT Long Thới	422	070	074	**59.596**	**59.596**	59.596	59.596			59.596	-				
99	1104505	Trường THPT Phước Kiển	422	070	074	**77.410**	**77.410**	77.410	77.410			77.410	-				
100	1120604	Trường THPT Dương Văn Dương	422	070	074	**83.000**	**83.000**	83.000	83.000			83.000	-				
101	1035494	Trường THPT Bình Khánh	422	070	074	**37.224**	**37.224**	37.224	37.224			37.224	-				
102	1035432	Trường THPT Cần Thạnh	422	070	074	**27.600**	**27.600**	27.600	27.600			27.600	-				
103	1104035	Trường THPT An Nghĩa	422	070	074	**26.649**	**26.649**	26.649	26.649			26.649	-				

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (nguồn 12)	KINH PHÍ CHI LƯƠNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO	KINH PHÍ SINH HOẠT HÈ	NGUỒN CCTL NSTP (nguồn 14)				GHI CHÚ
													TỔNG CỘNG	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,8 TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 2,34 TRĐ LÊN 2,53 TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*3*	*4=5+8*	*5=6+10*	*6=7+8+9*	*7*	*8*	*9*	*10=11+12+13*	*11*	*12*	*13*	*14*
104	1127428	Trường THCS - THPT Thạnh An	422	070	074	**13.865**	**13.865**	13.865	13.865			13.865	-				
105	1129175	Trường THPT Hồ Thị Bi	422	070	074	**83.800**	**83.800**	83.800	83.800			83.800	-				
106	1129141	Trường THPT Dương Văn Thì	422	070	074	**61.480**	**61.480**	61.480	61.480			61.480	-				
107	1129109	Trường THPT Phong Phú	422	070	074	**61.000**	**61.000**	61.000	61.000			61.000	-				
108	1129198	Trường THPT Bình Chiểu	422	070	074	**82.300**	**82.300**	82.300	82.300			82.300	-				
109	1035599	Trường THPT năng khiếu Thể dục Thể thao	422	070	074	**25.680**	**25.680**	25.680	25.680			25.680	-				
110	1154372	Trường THPT Hoàng Thế Thiện	422	070	074	**3.338.519**	**3.338.519**	3.338.519	2.040.523	1.859.628	160.895	20.000	1.297.996	1.060.862		237.134	
111	1085121	Trường THPT An Mỹ	422	070	074	**39.500**	**39.500**	39.500	39.500			39.500	-				
112	1085122	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	422	070	074	**37.000**	**37.000**	37.000	37.000			37.000	-				
113	1085123	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	422	070	074	**40.320**	**40.320**	40.320	40.320			40.320	-				
114	1085124	Trường THPT Bình Phú - Bình Dương	422	070	074	**44.960**	**44.960**	44.960	44.960			44.960	-				
115	1085125	Trường THPT Võ Minh Đức	422	070	074	**48.640**	**48.640**	48.640	48.640			48.640	-				
116	1084070	Trường THPT Bến Cát	422	070	074	**59.500**	**59.500**	59.500	59.500			59.500	-				
117	1084069	Trường THPT Tây Nam	422	070	074	**37.500**	**37.500**	37.500	37.500			37.500	-				
118	1004179	Trường THPT Nguyễn Trãi - Bình Dương	422	070	074	**47.950**	**47.950**	47.950	47.950			47.950	-				
119	1004186	Trường THPT Trịnh Hoài Đức	422	070	074	**41.400**	**41.400**	41.400	41.400			41.400	-				
120	1085127	Trường THPT Trần Văn Ơn	422	070	074	**68.600**	**68.600**	68.600	68.600			68.600	-				
121	1131135	Trường THPT Lý Thái Tổ	422	070	074	**78.000**	**78.000**	78.000	78.000			78.000	-				
122	1015603	Trường THPT Huỳnh Văn Nghệ	422	070	074	**36.600**	**36.600**	36.600	36.600			36.600	-				
123	1017932	Trường THPT Thái Hòa	422	070	074	**35.360**	**35.360**	35.360	35.360			35.360	-				
124	1019589	Trường THPT Tân Phước Khánh	422	070	074	**35.400**	**35.400**	35.400	35.400			35.400	-				
125	1084061	Trường THPT Nguyễn An Ninh - Bình Dương	422	070	074	**52.000**	**52.000**	52.000	52.000			52.000	-				

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (nguồn 12)	KINH PHÍ CHI LƯƠNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO	KINH PHÍ SINH HOẠT HÈ	NGUỒN CCTL NSTP (nguồn 14)				GHI CHÚ
													TỔNG CỘNG	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,8 TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 2,34 TRĐ LÊN 2,53 TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*3*	*4=5+8*	*5=6+10*	*6=7+8+9*	*7*	*8*	*9*	*10=11+12+13*	*11*	*12*	*13*	*14*
126	1084062	Trường THPT Dĩ An	422	070	074	**39.200**	**39.200**	39.200	39.200			39.200	-				
127	1084063	Trường THPT Bình An	422	070	074	**38.900**	**38.900**	38.900	38.900			38.900	-				
128	1130393	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai - Bình Dương	422	070	074	**53.200**	**53.200**	53.200	53.200			53.200	-				
129	1084073	Trường THPT Phước Vĩnh	422	070	074	**37.500**	**37.500**	37.500	37.500			37.500	-				
130	1120440	Trường THPT Phước Hoà	422	070	074	**20.260**	**20.260**	20.260	20.260			20.260	-				
131	1032948	Trường THCS và THPT Nguyễn Huệ	422	070	074	**39.840**	**39.840**	39.840	39.840			39.840	-				
132	1065495	Trường THCS và THPT Tây Sơn	422	070	074	**29.800**	**29.800**	29.800	29.800			29.800	-				
133	1122151	Trường THPT Long Hòa	422	070	074	**18.425**	**18.425**	18.425	18.425			18.425	-				
134	1085119	Trường THPT Thanh Tuyền	422	070	074	**50.600**	**50.600**	50.600	50.600			50.600	-				
135	1128990	Trường THCS và THPT Minh Hòa	422	070	074	**23.160**	**23.160**	23.160	23.160			23.160	-				
136	1085120	Trường THPT Dầu Tiếng	422	070	074	**33.840**	**33.840**	33.840	33.840			33.840	-				
137	1067145	Trường THPT Lê Lợi	422	070	074	**18.960**	**18.960**	18.960	18.960			18.960	-				
138	1015604	Trường THPT Tân Bình - Bình Dương	422	070	074	**23.360**	**23.360**	23.360	23.360			23.360	-				
139	1065497	Trường THPT Thường Tân	422	070	074	**38.000**	**38.000**	38.000	38.000			38.000	-				
140	1084068	Trường THPT Bàu Bàng	422	070	074	**49.500**	**49.500**	49.500	49.500			49.500	-				
141	1080598	Trường Phổ thông DTNT tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	422	070	074	**18.048**	**18.048**	18.048	18.048			18.048	-				
142	1015959	Trường THPT Chuyên Lê Quí Đôn	422	070	074	**53.760**	**53.760**	53.760	53.760			53.760	-				
143	1015809	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	422	070	074	**53.410**	**53.410**	53.410	53.410			53.410	-				
144	1015958	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	422	070	074	**80.000**	**80.000**	80.000	80.000			80.000	-				
145	1064445	Trường THPT Nguyễn Huệ - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	**58.560**	**58.560**	58.560	58.560			58.560	-				
146	1130341	Trường THPT Nguyễn Khuyến - Bà Ria - Vũng Tàu	422	070	074	**79.280**	**79.280**	79.280	79.280			79.280	-				

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (nguồn 12)	KINH PHÍ CHI LƯƠNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO	KINH PHÍ SINH HOẠT HÈ	NGUỒN CCTL NSTP (nguồn 14)				GHI CHÚ
													TỔNG CỘNG	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,8 TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 2,34 TRĐ LÊN 2,53 TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*3*	*4=5+8*	*5=6+10*	*6=7+8+9*	*7*	*8*	*9*	*10=11+12+13*	*11*	*12*	*13*	*14*
147	1015810	Trường THPT Châu Thành	422	070	074	**38.310**	**38.310**	38.310	38.310			38.310	-				
148	1087509	Trường THPT Bà Rịa	422	070	074	**12.000**	**12.000**	12.000	12.000			12.000	-				
149	1017526	Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	422	070	074	**53.508**	**53.508**	53.508	53.508			53.508	-				
150	1015802	Trường THPT Trần Văn Quan	422	070	074	**59.173**	**59.173**	59.173	59.173			59.173	-				
151	1087510	Trường THPT Trần Quang Khải - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	**59.737**	**59.737**	59.737	59.737			59.737	-				
152	1115077	Trường THPT Minh Đạm	422	070	074	**49.585**	**49.585**	49.585	49.585			49.585	-				
153	1087508	Trường THPT Long Hải - Phước Tỉnh	422	070	074	**48.833**	**48.833**	48.833	48.833			48.833	-				
154	1015803	Trường THPT Võ Thị Sáu- Bà Rịa-Vũng Tàu	422	070	074	**18.283**	**18.283**	18.283	18.283			18.283	-				
155	1087511	Trường THPT Dương Bạch Mai	422	070	074	**31.400**	**31.400**	31.400	31.400			31.400	-				
156	1015807	Trường THPT Phú Mỹ	422	070	074	**93.600**	**93.600**	93.600	93.600			93.600	-				
157	1080597	Trường THPT Nguyễn Trãi Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	**72.653**	**72.653**	72.653	72.653			72.653	-				
158	1044107	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	**38.399**	**38.399**	38.399	38.399			38.399	-				
159	1004460	Trường THPT Trần Phú -Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	**45.000**	**45.000**	45.000	45.000			45.000	-				
160	1015808	Trường THPT Ngô Quyền -Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	**12.800**	**12.800**	12.800	12.800			12.800	-				
161	1080602	Trường THPT Trần Hưng Đạo-Bà Rịa-Vũng Tàu	422	070	074	**70.600**	**70.600**	70.600	70.600			70.600	-				
162	1015806	Trường THPT Hắc Dịch	422	070	074	**48.500**	**48.500**	48.500	48.500			48.500	-				
163	1104499	Trường THPT Bưng Riềng	422	070	074	**30.600**	**30.600**	30.600	30.600			30.600	-				
164	1015804	Trường THPT Xuyên Mộc	422	070	074	**52.400**	**52.400**	52.400	52.400			52.400	-				
165	1015956	Trường THPT Hòa Bình	422	070	074	**46.295**	**46.295**	46.295	46.295			46.295	-				
166	1004457	Trường THPT Hòa Hội	422	070	074	**46.000**	**46.000**	46.000	46.000			46.000	-				
167	1017519	Trường THPT Phước Bửu	422	070	074	**105.000**	**105.000**	105.000	105.000			105.000	-				

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (nguồn 12)	KINH PHÍ CHI LƯƠNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO	KINH PHÍ SINH HOẠT HÈ	NGUỒN CCTL NSTP (nguồn 14)				GHI CHÚ
													TỔNG CỘNG	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,8 TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 2,34 TRĐ LÊN 2,53 TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*3*	*4=5+8*	*5=6+10*	*6=7+8+9*	*7*	*8*	*9*	*10=11+12+13*	*11*	*12*	*13*	*14*
168	1014326	Trung tâm GDTX -HN Vũng Tàu	422	070	075	**24.160**	**24.160**	24.160	24.160			24.160	-				
169	1007327	Trung tâm GDTX Long Điền- Đất Đỏ	422	070	075	**7.426**	**7.426**	7.426	7.426			7.426	-				
170	1052914	Trung tâm GDTX-DN-GTVL Xuyên Mộc	422	070	075	**29.610**	**29.610**	29.610	29.610			29.610	-				
171	1052920	Trường THPT Võ Thị Sáu- Côn Đảo	422	070	074	**17.531**	**17.531**	17.531	17.531			17.531	-				
172	1038803	Trường Giáo dục Chuyên biệt Hy Vọng quận Gò Vấp	422	070	072	**863.462**	**863.462**	863.462	-			-	863.462	**681.449**		**182.013**	
173	1127990	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Củ Chi	422	070	075	**73.000**	**73.000**	73.000	73.000			73.000	-				
174	1128388	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Hóc Môn	422	070	075	**31.000**	**31.000**	31.000	31.000			31.000	-				
175	1127135	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	422	070	075	**38.200**	**38.200**	38.200	38.200			38.200	-				
176	1130465	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 3	422	070	075	**24.920**	**24.920**	24.920	24.920			24.920	-				
177	1126539	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Tân Bình	422	070	075	**36.200**	**36.200**	36.200	36.200			36.200	-				
178	1126618	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Tân Phú	422	070	075	**36.000**	**36.000**	36.000	36.000			36.000	-				
179	1127053	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Gò Vấp	422	070	075	**8.800**	**8.800**	8.800	8.800			8.800	-				
180	1127159	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Phú Nhuận	422	070	075	**25.040**	**25.040**	25.040	25.040			25.040	-				
181	1126763	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 1	422	070	075	**7.320**	**7.320**	7.320	7.320			7.320	-				
182	1126867	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 6	422	070	075	**41.960**	**41.960**	41.960	41.960			41.960	-				
183	1126947	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 10	422	070	075	**34.840**	**34.840**	34.840	34.840			34.840	-				
184	1126076	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11	422	070	075	**12.000**	**12.000**	12.000	12.000			12.000	-				
185	1125713	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Bình Tân	422	070	075	**29.800**	**29.800**	29.800	29.800			29.800	-				
186	1125664	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 4	422	070	075	**3.100**	**3.100**	3.100	3.100			3.100	-				
187	1127767	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 7	422	070	075	**32.000**	**32.000**	32.000	32.000			32.000	-				

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (nguồn 12)	KINH PHÍ CHI LƯƠNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO	KINH PHÍ SINH HOẠT HÈ	NGUỒN CCTL NSTP (nguồn 14)				GHI CHÚ
													TỔNG CỘNG	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,8 TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 2,34 TRĐ LÊN 2,53 TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*3*	*4=5+8*	*5=6+10*	*6=7+8+9*	*7*	*8*	*9*	*10=11+12+13*	*11*	*12*	*13*	*14*
188	1131149	Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Thủ Đức	422	070	075	**26.000**	**26.000**	26.000	26.000			26.000	-				
189	1126891	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bình Chánh	422	070	075	**80.887**	**80.887**	80.887	80.887			80.887	-				
190	1126586	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Nhà Bè	422	070	075	**8.977**	**8.977**	8.977	8.977			8.977	-				
191	1126654	Trung Tâm GDNN - GDTX Thuận An	422	070	075	**15.990**	**15.990**	15.990	15.990			15.990	-				
192	1126714	Trung Tâm GDNN - GDTX Dĩ An	422	070	075	**33.400**	**33.400**	33.400	33.400			33.400	-				
193	1126687	Trung Tâm GDNN - GDTX Tân Uyên	422	070	075	**34.000**	**34.000**	34.000	34.000			34.000	-				
194	1126673	Trung Tâm GDNN - GDTX Bến Cát	422	070	075	**10.000**	**10.000**	10.000	10.000			10.000	-				
195	1133676	Trung Tâm GDNN - GDTX Bàu Bàng	422	070	075	**24.346**	**24.346**	24.346	24.346			24.346	-				
196	1126616	Trung Tâm GDNN - GDTX Phú Giáo	422	070	075	**12.300**	**12.300**	12.300	12.300			12.300	-				
197	1126614	Trung Tâm GDNN - GDTX Dầu Tiếng	422	070	075	**24.420**	**24.420**	24.420	24.420			24.420	-				